**BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

Môn học: NGỮ VĂN; lớp: 6

Thời gian thực hiện: 12 tiết

**Tiết 131: Thực hành đọc hiểu:**

 **NHỮNG PHÁT MINH “TÌNH CỜ VÀ BẤT NGỜ”**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,…), nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa,…) của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với mọi người, có suy nghĩ và việc làm nhân hậu, bao dung.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy Ao hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS...

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 6, tập 2; sách bài tập; sách tham khảo về đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 6.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập**

a. Mục tiêu: Tạo không khí cho tiết học, huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học, giới thiệu bài học.

b. Nội dung: Tổ chức nghe video hoặc trò chơi, đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**1. Mỗi hình ảnh dưới đây gợi cho em những liên tưởng nào về trải nghiệm của mỗi bản thân? (hình ảnh đó là gì? Tôi đã có những trải nghiệm nào với các vật được gợi ra từ hình ảnh đó?)2. Thử đoán xem tác giả “phát minh” ra chúng là người như thế nào? **B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảoluận****HS**: Trình bày**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, dẫn vào bài học.**GV giới thiệu bài học:** Các con có bao giờ thắc mắc vì sao cái này, hay cái kia lại xuất hiện không? Đôi khi mọi thứ con người sáng chế ra đều xuất phát từ một ý tưởng “tình cờ” và “bất ngờ” nào đó đấy. Hôm nay chúng mình sẽ cùng tìm hiểu nhé!  |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,…), nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa,…) của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

b. Nội dung: Đọc văn bản; vận dụng các tri thức công cụ đã được cung cấp trong phần Kiến thức Ngữ văn và Chuẩn bị vào đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật; trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| **I. Tìm hiểu chung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- GV hướng dẫn đọc văn bản và chú thích, chơi trò chơi nối từ để giải thích các chú thích cần lưu ý.- HS thảo luận cặp đôi trong 2 phút về phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà); sau đó trình bày trước lớp.**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**1. a) Nhan đề của văn bản có điều gì đặc biệt (từ ngữ, dấu câu)?Nhan đề giúp người đọc có thể dự đoán nội dung của văn bản là:b) Sa pô của văn bản có điều gì đặc biệt (từ ngữ, dấu câu,…)?Sa pô của văn bản có tác dụng gì?2. Văn bản trình bày thông tin bằng phương tiện nào (chữ viết, âm thanh, hình ảnh,…)?3. Nội dung của văn bản được chia thành mấy mục?Cách trình bày thông tin trong mỗi mục có điều gì đáng chú ý?4. Đọc văn bản xong, em có thấy những phát minh được trình bày là “tình cờ và bất ngờ” không? Vì sao?**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi ở nhà.Tại lớp, HS thảo luận cặp đôi trong vòng 2 phút.**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảo luận****HS**: GV gọi 1 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. **GV**: Yêu cầu các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt lại một số kiến thức.  | **a. Đọc văn bản và chú thích****b. Tìm hiểu chung về văn bản:**- Xuất xứ: đăng trên khoahoc.tv - Thể loại: văn bản thông tin - Bố cục: + Phần 1 (từ đầu đến “hơn bao giờ hết”): Giới thiệu chung+ Phần 2 (còn lại): Liệt kê các phát minh  |
| **II. Đọc hiểu văn bản** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**HS làm việc nhóm đôi và trả lời câu hỏi:1. Nội dung chính của đoạn mở đầu là gì?2. Những từ nào được đưa vào dấu ngoặc kép, giải thích nghĩa của các từ đó và nêu công dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong trường hợp này?**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảo luận****HS**: Trình bày**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét, chốt kiến thức.  | **1. Đoạn 1: Giới thiệu chung**- Giới thiệu chung về tính chất “tình cờ và bất ngờ” của một số phát minh sắp được trình bày. - “Huyền thoại”: câu chuyện không có thật, mang vẻ thần bí, kì lạ, hoàn toàn do tưởng tượng.- “Vô tình”: không chủ định, không cố ý- “Tình cờ”: không liệu trước, không biết trước mà xảy ra.  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**GV chia lớp thành nhóm 4 học sinh, trả lời câu hỏi 2 SGK trang 101.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên phát minh (người phát minh)** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** |
|  |  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Thảo luận nhóm đôi (5 phút)**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảo luận****HS**: Trình bày mỗi nhóm 2 phút.**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét, chốt kiến thức.  | **2. Đoạn 2: Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”** \* Cách trình bày: - Nhà phát minh- Mục đích ban đầu- Diễn biến và kết quả→ Thông tin đầy đủ, dễ hiểu, dễ quan sát. \* Các phát minh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên phát minh – Người phát minh** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** |
| 1. Đất nặn (Giô-sép Mác Vích-cơ). | - G. Mác Vích-cơ bị thua lỗ (do người dân dùng ga thay đất sét làm chất đốt).- G. Mác Vích-cơ nhớ lại bài học chị dạy về việc sử dụng chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét. | - Một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn ra đời.- Công ti của G. Mác Vích-cơ thu về hàng triệu đô la. |
| 2. Kem que (Ep-po-xơn). | - Ep-po-xơn vô tình dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời. | - Kem que ra đời, trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến. |
| 3. Lát khoai tây chiên (Cram). | - Khách hàng liên tục gửi trả lại món ăn đã phục vụ, yêu cầu phải thái lát mỏng và giòn hơn nữa.- Cram đã mất bình tĩnh, cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn và chiên chúng khô cứng. | - Lát khoai tây chiên ra đời, được nhiều người yêu thích, đặt mua. |
| 4. Giấy nhớ (Xin-vơ). | - Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết ứng dụng.- Đồng nghiệp của Xin-vơ không tìm ra cách gì để dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca.- Hai ý tưởng lớn gặp nhau. | - Giấy nhớ ra đời- Năm 1980 trở nên phổ biến. |

→ Các phát minh trên đều xuất phát từ những nhu cầu thiết thực và đem lại kết quả tốt cho người sử dụng. |
| **III. Tổng kết** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**HS khái quát nội dung của văn bản và hình thức đặc sắc của nó. **B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Làm việc nhóm đôi và trả lời**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảoluận****HS**: Trình bày**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt kiến thức.- Các yếu tố như nhan đề, Sapo, Đề mục, hình ảnh,.... trong văn bản có tác dụng giúp người đọc nắm bắt được nội dung chính, minh chứng cho nội dung đồng thời cũng là một cách để thu hút, lôi cuốn người đọc.  | **1. Nội dung:** - Những phát minh “tình cờ và bất ngờ” trong lịch sử. **2. Hình thức:** - Bố cục khoa học và rành mạch: Dùng kiểu chữ in đậm và cách đánh số đề mục, dùng số liệu và hình ảnh nổi bật. - Sử dụng các từ ngữ chuyển nghĩa mang tính biểu cảm cao. - Cách trình bày thông tin theo quan hệ nhân - quả.  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào việc giải quyết một bài tập cụ thể.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm. 2. Chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày thông tin giữa văn bản “Những phát minh tình cờ và bất ngờ” và hai văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”, “Điều gì giúp bóng đá VN chiến thắng”? Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản như thế nào?3. Trong số những phát minh được nhắc đến trong văn bản, em thích phát minh nào nhất? Vì sao?**B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Làm việc cá nhân và trả lời**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảoluận****HS**: Trình bày**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt kiến thức. | 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”** | **Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng** | **Điều gì giúp bóng đá VN chiến thắng** |
| Sử dụng phương pháp trình bày thông tin theo kiểu **tóm tắt, liệt kê** nội dung cần thông tin | Trình bày thông tin **theo trình tự nguyên nhân – diễn biến – kết quả**  | Trình bày thông tin nguyên nhân – kết quả nhưng theo trình tự ngược, **trình bày kết quả trước rồi lí giải nguyên nhân.** |

Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản:- PT và ca khúc mừng chiến thắng: Trình bày thông tin về quá trình ra đời của ca khúc “Như có Bác trong ngày đại thắng” qua lời kể và hồi tưởng của nhạc sĩ Phạm Tuyên, văn bản trình bày thông tin theo trình tự thời gian.- Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng: Trình bày kết quả trước để nhấn mạnh thành công vang dội của bóng đá Việt Nam trong năm 2019, thành công đó có những nguyên nhân sâu xa được lí giải ngay sau đó.- Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”: Tóm lược sự ra đời của các phát minh bằng phương pháp tóm tắt, liệt kê. Vì nội dung văn bản đề cập đến nhiều phát minh nên cần sử dụng tóm tắt, liệt kê để đảm bảo ngắn gọn, dễ nhớ.3. HS tự trình bày, ví dụ:- Em thích nhất là phát minh kem que, vì đây là sản phẩm quen thuộc, khoái khẩu với trẻ em. - Em thích nhất là phát minh khoai tây chiên, vì đây là món ăn vặt rất thú vị.- Em thích nhất là phát minh đất nặn, vì sản phẩm này rất tiện lợi giúp chúng em sáng tạo mĩ thuật.- Em thích nhất phát minh giấy nhớ, vì sản phẩm giúp ích cho em trong quá trình tích luỹ và ghi nhớ kiến thức khi học bài.  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào việc giải quyết một bài tập cụ thể.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành và vận dụng kiến thức lí thuyết theo hướng dẫn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**1. HS xem video và thực hiện tại nhà các sản phẩm, sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp, có hình ảnh hoặc video minh hoạ: - Tự làm kem- Tự làm các sản phẩm từ đất nặn- Tự làm khoai tây chiên **B2: Thực hiện nhiệm vụ****HS**: Làm việc cá nhân và trả lời**GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**B3: Báo cáo, thảoluận****HS**: Trình bày**GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.**B4: Kết luận, nhận định (GV)**- Nhận xét và chốt kiến thức. |  |